



CHỢT NHỚ HUẾ !

NGUYỄN VĂN HOA

viết tặng nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ (Huế)

1- Cuối thế kỷ 20, tôi làm cuốn sách “Tuyển tập thơ văn xuôi Việt nam và thế giới” cùng tiến sĩ Nguyễn Ngọc Thiện (Viện Văn Học Việt Nam), trong tập sách này gồm phần học thuật và phần tuyển thơ Việt nam và Thế giới. Phần thơ Việt nam có nhiều tác giả sinh sống ở Huế, ngẫu nhiên - tình cờ có hai nhà thơ có thơ trong tập này, đó là Hải Bằng và Hải Trung.

Khi gửi sách biếu cho các tác giả có thơ trong tập sách quý này, phản hồi lại nhà thơ Ngô Minh (hội viên Hội Nhà văn Việt Nam) mưu sinh ở Huế cũng có sách biếu, đã cho tôi biết Hải Bằng và Hải Trung đều là dân Huế và là hai bố con! Qua cuốn sách quý này và qua thông tin của nhà thơ Ngô Minh, duyên kỳ ngộ tôi làm quen được với cả hai nhà thơ Hải Bằng và Hải Trung. Cả 10 tập thơ in vào các năm 1980, 1988, 1989, 1992, 1993, 1994, 1995, 1996... mà tác giả lặn lội phải tự bỏ tiền in sách của Hải Bằng may mắn mà tôi cũng có. Hải Bằng còn tặng tôi cả tượng gốc cây đã từng đạt huy chương vàng.

Tôi vẫn giữ những kỷ vật này như là một kỷ niệm quý báu về xứ Huế thơ và mộng. Rồi Hải Trung cũng tặng thơ cho tôi, trong đó có cả thơ chữ Hán. Nhưng quý giá hơn Hải Trung còn tặng tôi bức thư pháp to như chiếc chiếu một, đó là bài thơ của Lý Bạch:

*Bắt đảo đông sơn cửu
Tương vi kỳ độ hoa
Bạch vân hoàn tự tán
Minh nguyệt lạc thủy gia.*

Tôi treo bức thư pháp này ở phòng đọc sách của mình. Hàng ngày vẫn ngắm nghía "thần thái" của Hải Trung qua bức thư pháp này.

Tôi giờ mấy cuốn lý thuyết về thư pháp để hiểu thêm kỹ thuật viết thư pháp của Hải Trung. Qua đó hiểu sâu hơn kỹ thuật viết thư pháp của Hải Trung qua ức (nhấn xuống), dương (nâng lên), đôn (dè dặt), toả (hạ xuống), trì (chậm chễ), tốc (nhanh chóng), hoàn (thả lại), khấn (gấp gáp, khinh (nhẹ), trọng (nặng)). Nhìn thư pháp của Hải Trung thấy có bố cục khá chặt chẽ nhát - thưa; đậm nhạt và tối sáng. Hải Trung là nhà thơ, đặc biệt làm được thơ chữ Hán, cho nên Hải Trung thường thích chọn những bài thơ có nhiều tâm trạng để thể hiện thư pháp. Nó rất phù hợp với tâm thế - tâm thức của Hải Trung. Điều làm tôi khá bất ngờ thú vị là Hải Trung đã có cả một tập thơ chữ Hán.

Trong bữa tiệc bằng nhiều loại bánh Huế nổi tiếng để gia đình tôi mừng cho gia đình nhà thơ Ngô Minh làm thơ - làm báo mà xây được biệt thự, Hải Trung cũng có mặt để giảng giải về văn hoá ẩm thực các loại bánh Huế. Ví dụ theo Hải Trung tại sao lại gọi là bánh khoái, có hai giả thiết, đây là loại bánh làm cho thực khách khoái khẩu, nhưng lại có giả thiết khác: bánh này phải dùng đến củi lửa nên khi chế biến bánh có khói mù mịt, nên người chế biến bánh và thực khách vừa thưởng thức bánh nóng đồng thời thưởng thức khói mù mịt. Người Huế không phát âm được “oi, ới”... “khởi”, thực khách nghe “ới” thành “oái” và “khởi” thành “khoái”. Bữa tiệc có nhiều loại bánh và có nhiều cách triết tự, giải thích rất sâu sắc của người có quê ở Huế, qua đó làm cho tôi hiểu rõ hơn lịch sử hình thành từng loại bánh của Huế. Bữa tiệc mừng tân gia thành công ngoài mong đợi của chủ và khách.

Hôm đó Hải Trung đã tặng tôi và gia đình tôi cuốn sách "Không đề & những vần điệu" do Hội nhà văn Thừa Thiên Huế ấn hành. Sách được sự hỗ trợ kinh phí xuất bản của Câu lạc bộ Unesco Thư pháp Việt nam. Sách này in công phu, mỗi bài thơ gồm chữ Hán, phiên âm và dịch ra tiếng Việt. Nhưng độc đáo là Hải Trung trình bày mỗi bài thơ như một bản thư pháp kiểu thảo và hành thư. Có đóng dấu tên đỏ lên khoảng trống hợp lý trên từng bản thư pháp. Trông rất hài hoà đẹp mắt. Nó không chỉ là bài thơ mà như một bức họa. Tập này có các bài thơ như Vô đề (Không đề), Hồng thủy (Lũ lớn), Xuân thì (Tuổi xuân), Vân (Mây), Khai bút xuân Tân Tỵ, Hương Giang (Sông Hương), Tảo quá Hải Vân Sơn (Buổi sáng qua đèo Hải Vân), Cảm hoài (Cảm hoài), Xuân bao giờ cạn và Cổ thi thừa hứng (Nhân hứng thơ xưa). Có lẽ “bệnh nghề nghiệp” đã “ngấm” vào Hải Trung, đúng như Hải Trung đã tự sự: những người thuộc thể thệ a còng (@), người tân thời gọi Hải Trung là đồ đá cũ, típ người quá đại.

Hải Trung đã theo đòi tiếng Hán hơn 10 năm. Hải Trung tự trấn an: làm thơ chữ Hán như một cách học chữ, học nghĩa, học những tri thức về vốn cổ của thế hệ tiền nhân. Tôi xem việc làm thơ chữ Hán của mình thực chất là tự rèn và ôn luyện kỹ năng chữ nghĩa, qua đó giải bày mong được được chia sẻ. Nhưng theo tôi còn lý do nguyên nhân trực tiếp khác ảnh hưởng thường nhật đến thư pháp của Hải Trung. Vì làm việc ở Trung tâm bảo tồn di sản văn hoá Huế, nhất là Bảo tàng cổ vật Huế. Hải Trung đã ngấm vào tâm tâm tư, tình cảm và suy nghĩ qua những cuốn sách đã làm chung với đồng nghiệp như cuốn "Thần kinh nhị thập cảnh- Thơ Thiệu Trị" (khảo cứu - soạn chung), hoặc "Khoa cử và các nhà khoa bảng Triều Nguyễn" (khảo cứu, soạn chung), hoặc đặc biệt độc đáo như cuốn "Chơi chữ Hán Nôm" những bài thơ độc đáo của Hải Trung.

2- Khi Hội Văn nghệ Dân gian tổ chức đi chơi bên đất Trung Quốc, tôi đã tìm được một số sách về thư pháp tiếng Hoa. Tôi đọc và ngắm nghĩ. Sau đó lại đọc lại suy ngẫm. Ở Hà nội cũng có một quán bán mì mằn thần và hủ tiếu ở Đình Ngang. Vì chủ quán có giao du với các nhà thư pháp Hà Nội, cho nên tại đây có treo nhiều bức thư pháp của nhiều nhà thư pháp nổi tiếng Hà Nội. Tôi ngắm nghĩ mỗi bức thư pháp viết bài hịch của Lý Thường Kiệt:

*Nam quốc sơn hà nam đế cư
Tuyệt nhiên định phận tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.*

Hoặc câu của Cao Bá Quát:

*“Thập tải luân giao tâm cổ kiếm
Nhất sinh đề thủ bá mai hoa”.*

Quán ăn này thậm chí còn treo cả thư pháp của mấy du khách Trung Quốc sang triển lãm thư pháp tại Việt Nam.

Đọc sách và nghiên cứu thư pháp qua mạng Hanosoft.com của nhóm Tống Phước Hải (tongphuochai@yahoo.com). Trong đó có cụ Lê Xuân Hoà là thư pháp gia rất nổi tiếng trong ngoài nước.

3- Nhân tố nào tác động đến thư pháp của Hải Trung?

Theo nhiều nhà nghiên cứu thư pháp, trong đó có Lê Anh Minh cho biết: người Tàu cho rằng “*Thư pháp cũng là Đạo*”, còn người Nhật cho “*thư pháp là Thư đạo*”...

Vậy Hải Trung có cho thư pháp là đạo như người Trung Quốc không? Hoặc có coi cho thư pháp là thư đạo như người Nhật Bản không?

Theo tôi người ảnh hưởng trực tiếp đến thư pháp của Hải Trung là nhà thơ Hải Bằng. Theo thông tin cập nhật của tôi thì Hải Bằng là thân sinh của Hải Trung. Hải Bằng sinh 03.2.1930 tên thật là Vĩnh Tôn. Quê gốc Huế, lính Trung đoàn 101 Trị Thiên Huế từ 1945. Sau năm 1954 về công tác tại Vụ văn hoá địa phương (Bộ Văn hoá), từ 1959 về công tác tại Ty Văn hoá Quảng Bình. Sau năm 1975 ông về quê ở Huế. Năm 1965 ông đã được trao giải thưởng báo Văn Nghệ với bài thơ Cồn Cỏ. Năm 1994 ông được giải thưởng của Ủy ban Trung ương Liên hiệp Văn học Nghệ thuật với tập thơ “Sóng đôi bờ”. Hải Trung sinh năm 1971, như vậy không thể sinh ra ở Huế. Sau 1975 mới trở về được Huế. Do vậy truyền thống gia đình văn nghệ sĩ đã tác động rất mạnh đến thơ và thư pháp của Hải Trung.

4- *Nói đến thư pháp là nói đến khổ luyện* (Lê Anh Minh). Điều này đúng với Hải Trung. Hiện nay Hải Trung là hội viên Hội Nhà văn Thừa Thiên Huế, hội viên Hội khoa học lịch sử Thừa Thiên - Huế, Hội viên Hội khoa học Lịch sử Việt Nam. Hải Trung đã cho in "Thần kinh nhị thập cảnh - Thơ Thiệu Trị" (khảo cứu- soạn chung), "Khoa cử và các nhà khoa bảng Triều Nguyễn" (khảo cứu, soạn chung), "Chơi chữ Hán Nôm những bài thơ độc đáo" (khảo cứu) và Hải Trung đã có thơ in riêng: "Cho từng ánh lửa" và thơ chữ Hán "Không đề & những vần điệu cũ".

Điều quý giá là Hải Trung đã triển lãm Thư pháp Hán Nôm tại Huế (Festival Huế 2000), tại Phú Yên 2003. Uy tín thư pháp của Hải Trung đã vượt ra khỏi biên giới Việt Nam: thư pháp của Hải Trung đã được triển lãm tại Bỉ và Pháp.

Hải Trung đã nhận được nhiều giải thưởng, ví dụ như giải thơ Tạp chí Nhật Lệ 2000, giải thơ Tạp chí Sông Hương 2003, giải thưởng Văn học Nghệ thuật cô đô (1993 -1997), giải thưởng Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam 2003 và giải thưởng Thi Pháp toàn quốc năm 2003.

Thư pháp Hải Trung đã thành danh không chỉ trong nước và quốc tế. Theo tôi, thư pháp Hải Trung không chỉ là niềm tự hào cho Huế, mà là niềm tự hào cho thế hệ trẻ người Việt Nam./.

Nguyễn Văn Hoa